

Số: /BC-UBND

Hà Bắc, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2025-2026

Thực hiện Công văn số 2659/SGDDT-VP của Sở giáo dục và đào tạo Thành phố Hải Phòng về việc báo cáo kết quả triển khai nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2025-2026, UBND xã Hà Bắc báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

Đơn vị báo cáo: UBND xã Hà Bắc

Bộ phận phụ trách: Phòng Văn hóa - Xã hội

Cán bộ đầu mối phụ trách: Nguyễn Thị Thuý Hằng

Chức vụ: Chuyên viên Phòng Văn hoá - Xã hội

Số điện thoại: 0973872174

II. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ỨNG DỤNG CNTT, CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ THỐNG KÊ GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025-2026

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Trong năm học 2025-2026, UBND xã Hà Bắc đã chỉ đạo các cơ sở giáo dục trên địa bàn nghiêm túc triển khai các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng về nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục.

Các cơ sở giáo dục đã xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số gắn với triển khai Đề án 06; thành lập Ban chỉ đạo, Ban quản trị CNTT và chuyển đổi số; ban hành quy chế quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành; quy chế dạy học trực tuyến và kế hoạch triển khai thực hiện trong năm học.

Công tác tuyên truyền, quán triệt các văn bản chỉ đạo được thực hiện thường xuyên thông qua các cuộc họp hội đồng, sinh hoạt chuyên môn, góp phần nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên về vai trò và tầm quan trọng của chuyển đổi số trong giáo dục.

2. Chuyển đổi số trong công tác quản lý, quản trị và thống kê giáo dục

100% cơ sở giáo dục trên địa bàn đã triển khai sử dụng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, cập nhật đầy đủ hồ sơ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh theo quy định.

Các phần mềm quản trị nhà trường được triển khai đồng bộ phục vụ quản lý học sinh, hồ sơ điện tử, sổ điểm điện tử, học bạ số, quản lý tài sản, tài chính và công tác thống kê báo cáo.

Các cơ sở giáo dục tiếp tục triển khai thanh toán không dùng tiền mặt đối với các khoản thu trong nhà trường; triển khai tuyển sinh đầu cấp trực tuyến theo hướng dẫn của ngành.

Công tác triển khai học bạ số, chữ ký số được thực hiện nghiêm túc theo lộ trình. Phần lớn cán bộ quản lý, giáo viên đã được cấp và sử dụng chữ ký số phục vụ ký duyệt hồ sơ điện tử và học bạ số.

Các nhà trường thường xuyên tuyên truyền, quán triệt công tác bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân; thực hiện rà soát, đổi mật khẩu định kỳ và cài đặt các giải pháp bảo mật trên thiết bị làm việc.

3. Chuyển đổi số trong công tác dạy và học

3.1. Phát triển, sử dụng học liệu số

Các cơ sở giáo dục tích cực xây dựng và khai thác học liệu số phục vụ giảng dạy như bài giảng trình chiếu, video bài giảng, ngân hàng câu hỏi, đề kiểm tra trực tuyến và học liệu dùng chung của ngành.

3.2. LMS, thư viện số/thư viện điện tử

Các thư viện trường học đã hỗ trợ giáo viên và học sinh tra cứu tài liệu học tập; một số đơn vị bước đầu triển khai các nền tảng học tập trực tuyến, phần mềm hỗ trợ dạy học và kiểm tra đánh giá.

3.3. Tập huấn, phát triển năng lực số

100% cán bộ quản lý, giáo viên tại nhiều cơ sở giáo dục tham gia các lớp tập huấn về chuyển đổi số, kỹ năng số, ứng dụng AI trong dạy học và quản lý.

3.4. Ứng dụng CNTT, AI trong tổ chức hoạt động giáo dục

Các nhà trường bước đầu ứng dụng các công cụ AI trong thiết kế bài giảng, xây dựng học liệu, kiểm tra đánh giá và tổ chức các hoạt động giáo dục.

3.5. Các nội dung khác

Nhiều cơ sở giáo dục đã triển khai các hoạt động STEM/STEAM gắn với ứng dụng CNTT; tổ chức các hoạt động trải nghiệm, nghiên cứu khoa học phù hợp điều kiện thực tế.

4. Công tác kiểm tra, giám sát

UBND xã chỉ đạo các cơ sở giáo dục thường xuyên kiểm tra, rà soát việc cập nhật dữ liệu, triển khai phần mềm quản lý, học bạ số và thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số.

Qua kiểm tra, các đơn vị cơ bản thực hiện nghiêm túc các yêu cầu của ngành; một số khó khăn phát sinh về hạ tầng mạng, kỹ năng khai thác AI của giáo viên đã được các nhà trường kịp thời hỗ trợ, khắc phục.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU

STT	Nội dung nhiệm vụ/Chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện	Ghi chú/Khó khăn
1.	Chuyển đổi số trong dạy, học và kiểm tra, đánh giá			
1.1.1	Tổng số cơ sở giáo dục	CSGD	12	
1.1.2	Trong đó: Cơ sở giáo dục khai thác phần mềm quản lý học tập (LMS) trong hoạt động dạy học	CSGD	05	Một số đơn vị chưa triển khai LMS đồng bộ
1.2.1	Phòng/lớp học thông minh đã triển khai	Phòng/lớp	09	Chủ yếu tập trung ở THCS Việt Hồng và TH Việt Hồng
1.2.2	Phòng/lớp học sử dụng bảng tương tác	Phòng/lớp	11	
1.2.3	Cơ sở giáo dục triển khai LMS/dạy học trực tuyến	CSGD	04	
1.2.4	Cơ sở giáo dục triển khai ứng dụng AI trong dạy học	CSGD	12	
1.2.5	Cơ sở giáo dục triển khai mô hình STEM/STEAM có ứng dụng CNTT	CSGD	10	
1.2.6	Mô hình khác (nếu có)	Mô tả		
1.3.1	Tổng số giáo viên	Người	380	
1.3.2	Trong đó: Giáo viên được tập huấn kỹ năng ứng dụng AI và năng lực số	Người	371	
1.4	Cơ sở giáo dục thực hiện đánh giá định kỳ trên máy tính	CSGD	06	Một số trường chưa đủ điều kiện phòng máy
1.5	Học liệu số dùng chung được xây dựng mới trong năm học	Học liệu	467	
2	Quản trị nhà trường và cơ sở dữ liệu (CSDL) ngành			
2.1	Cơ sở giáo dục triển khai phần mềm quản trị trường học kết nối với CSDL ngành	CSGD	10	
2.2.1	Tổng số người học	Người	5.658	
2.2.2	Trong đó: Người học được định danh và quản lý bằng hồ sơ số	Người	5.658	

2.2.3	Tổng số nhà giáo	Người	406	
2.2.4	Trong đó: Nhà giáo được định danh và quản lý bằng hồ sơ số	Người	406	
2.3.1	Tổng số cơ sở vật chất, thiết bị thuộc phạm vi quản lý	Thiết bị/CSVC	Các cơ sở giáo dục quản lý tổng số hàng trăm hạng mục cơ sở vật chất, thiết bị gồm phòng học, phòng chức năng, thiết bị CNTT, thiết bị dạy học..."	
2.3.2	Trong đó: Cơ sở vật chất, thiết bị được quản lý bằng hồ sơ số	Thiết bị/CSVC	Phần lớn cơ sở vật chất, thiết bị đã được cập nhật, quản lý bằng hồ sơ số hoặc phần mềm quản lý tài sản	
2.4.1	Tổng số học sinh thuộc đối tượng triển khai học bạ số	Người	4.527	
2.4.2	Trong đó: Số học bạ số đã tạo lập	Học bạ	4.491	
2.5.1	Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên	Người	410	
2.5.2	Trong đó: Số cán bộ quản lý, giáo viên có chữ ký số	Người	298	
3	Dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt			
3.1	Cơ sở giáo dục triển khai dịch vụ trực tuyến về đăng ký, xét tuyển học sinh	CSGD	10	
3.2	Cơ sở giáo dục thực hiện thanh toán học phí không dùng tiền mặt	CSGD	12	
3.3	Cơ sở giáo dục triển khai kết nối phần mềm quản lý học phí với nền tảng thanh toán trực tuyến	CSGD	07	
4	Hạ tầng, nhân lực và an toàn thông tin			
4.1	Cơ sở giáo dục có kết nối Internet băng thông rộng	CSGD	12	

4.2	Cơ sở giáo dục triển khai giải pháp bảo đảm an toàn môi trường giáo dục số	CSGD	12	
4.3	Cuộc rà soát an toàn, an ninh thông tin trong năm học	Cuộc	26	
4.4	Kết quả triển khai phong trào “Bình dân học vụ số”	Mô tả	Các đơn vị tích cực tham gia hỗ trợ người dân cài đặt, sử dụng VNeID; thanh toán không dùng tiền mặt; nâng cao kỹ năng số cho CBQL, GV, NV; tăng cường kết nối giữa gia đình và nhà trường qua các nền tảng số	Một số phụ huynh, giáo viên còn hạn chế kỹ năng sử dụng công nghệ số

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Các cơ sở giáo dục trên địa bàn đã quan tâm triển khai nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số theo đúng chỉ đạo của ngành.

Hạ tầng CNTT từng bước được đầu tư, đáp ứng yêu cầu quản lý và dạy học.

100% cơ sở giáo dục triển khai tuyển sinh trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt.

Việc cập nhật cơ sở dữ liệu ngành, triển khai học bạ số, chữ ký số được thực hiện nghiêm túc.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên tích cực ứng dụng CNTT và AI trong dạy học và quản lý.

Các hoạt động STEM/STEAM gắn với ứng dụng CNTT bước đầu đạt hiệu quả.

2. Hạn chế

Một số đơn vị chưa triển khai hệ thống LMS và phòng học thông minh.

Hạ tầng mạng tại một số thời điểm chưa ổn định.

Một bộ phận giáo viên còn hạn chế trong khai thác các công cụ AI và phần mềm hỗ trợ dạy học hiện đại.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn chuyên sâu về chuyển đổi số, ứng dụng AI trong giáo dục.

Quan tâm hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng CNTT, phòng học thông minh, thiết bị phục vụ dạy học số.

Đề nghị tiếp tục hoàn thiện, đồng bộ các nền tảng số và phần mềm dùng chung của ngành, hạn chế việc triển khai nhiều hệ thống riêng lẻ gây khó khăn cho cơ sở giáo dục trong quá trình cập nhật và khai thác dữ liệu

Trên đây là Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2025-2026 của UBND xã Hà Bắc.

Nơi nhận:

- Sở giáo dục và đào tạo (để BC);
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch;
- Lưu VP, VHXH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Đức Tiến